

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN TUẦN GIÁO  
TỈNH ĐIỆN BIÊN**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 30/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 29/11/2018.

V/v Ly hôn, tranh chấp nuôi con.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TUẦN GIÁO - TỈNH ĐIỆN BIÊN**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Lương Thị Nga.

*Các Hội thẩm nhân dân:* Bà Lương Thị Nhung và bà Nguyễn Thị Huyền.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Giàng A Tăng, cán bộ Tòa án nhân dân huyện Tuần Giáo.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuần Giáo tham gia phiên tòa:** Bà Vũ Thị Mai, Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 11 năm 2018, tại trụ Toà án nhân dân huyện Tuần Giáo xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 130/2018/TLST-HN&GD ngày 27 tháng 9 năm 2018, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 31/2018/QĐST-HNGĐ ngày 26 tháng 10 năm 2018 giữa các đương sự:

**Nguyên đơn:** Anh Quàng Văn K, năm sinh: 1991.

Địa chỉ: Bản P, xã Q, huyện T, tỉnh Điện Biên; có mặt.

**Bị đơn:** Chị Lò Thị D, năm sinh: 1992.

Địa chỉ: Bản T, xã Q, huyện T, tỉnh Điện Biên; bị đơn vắng mặt, không có lý do.

**Người làm chứng:** Ông Lò Văn T, năm sinh: 1968; địa chỉ: Bản T, xã Q, huyện T, tỉnh Điện Biên; có mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo nội dung đơn khởi kiện ly hôn, tranh chấp nuôi con, bản tự khai tại Tòa án và phiên tòa hôm nay nguyên đơn anh Quàng Văn K trình bày:

Về hôn nhân: Anh Quàng Văn K và chị Lò Thị D kết hôn với nhau tự nguyện và có đăng ký kết hôn với nhau ngày 28/3/2011, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Q, huyện T, tỉnh Điện Biên. Anh chị kết hôn tự nguyện, không ai cản trở ép buộc. Cuộc sống chung của vợ chồng hạnh phúc được thời gian đầu, sau đó nảy sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính cách không hợp, bất đồng quan điểm sống. Hai anh chị đã sống ly thân từ năm 2013 cho đến nay. Anh K cho rằng thời gian sống ly thân đã lâu, vợ chồng thiếu sự quan tâm, chăm sóc, chia sẻ nên không còn tình cảm với chị Lò Thị D. Anh K không thể tiếp tục kéo dài cuộc sống chung với chị D nên đề nghị Tòa án giải quyết cho anh Quàng Văn K được ly hôn với chị Lò Thị D.

Về con chung: Anh Quảng Văn K và chị Lò Thị D có 01 người con chung, cháu Quảng Hồng T, sinh ngày 19/3/2011. Từ khi anh K và chị D sống ly thân thì cháu T được anh K trực tiếp nuôi dưỡng. Sau Khi ly hôn anh K có nguyện vọng được nuôi con chung, Thu nhập hằng tháng trung bình của anh K là 7.000.000đ, đủ đảm bảo nuôi con ăn học, anh K cũng có chỗ ở ổn định đảm bảo việc nuôi con chung. Anh K không yêu cầu chị D phải cấp dưỡng nuôi con chung; đề nghị Tòa án xem xét, giải quyết việc giao con chung, cấp dưỡng nuôi con chung theo nguyện vọng của anh K.

Về tài sản chung: Kể từ khi kết hôn không tạo lập được tài sản chung, không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

Trong quá trình giải quyết, Tòa án đã tiến hành giao các thông báo, giấy triệu tập, quyết định đưa vụ án ra xét xử cho chị Lò Thị D, nhưng chị D không có mặt để tham gia tố tụng.

Tại phiên tòa có ông Lò Văn T là bố đẻ của chị D đã trình bày: Quá trình giải quyết Tòa án đã đến giao các giấy tờ cho chị Lò Thị D, ông đã nhận và chị D liên lạc về cho ông T thì ông T đã báo lại cho chị D biết toàn bộ nội dung yêu cầu của anh Kim và thông báo cho chị D phải có mặt tại phiên tòa. Nhưng chị D trao đổi lại chị D không thể về được vì phải đi làm, do công việc không cố định nên cũng không biết địa chỉ cụ thể. Chị D cam đoan sẽ không khiếu nại gì về quá trình giải quyết của Tòa án và chị cũng nhất trí ly hôn. Ngoài ra ông T không còn ý kiến gì thêm.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên phát biểu ý kiến: Về thủ tục tố tụng: Về cơ bản đã thực hiện đúng tố tụng ở giai đoạn sơ thẩm; căn cứ vào Điều 51; 56; 58; 81; 82; 83; 84 Luật HNGĐ năm 2014 về hướng giải quyết vụ án: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh Quảng Văn K, giao cháu Quảng Hồng T; sinh ngày 19/3/2011 cho anh Quảng Văn K trực tiếp nuôi dưỡng, trông nom, chăm sóc, giáo dục cho đến khi cháu T đủ 18 tuổi, về phần tài sản, nợ chung không yêu cầu nên không xem xét. Về án phí: Đề nghị căn cứ vào quy định tại Điều 147 BLTTDS và điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án đề nghị miễn án phí ly hôn cho anh Quảng Văn K.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Xét đơn khởi kiện ly hôn, tranh chấp nuôi con chung của anh Quảng Văn K thì được xác định là vụ án xin ly hôn và tranh chấp nuôi con chung theo quy định tại Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân gia đình năm 2014. Thời điểm anh Quảng Văn K nộp đơn khởi kiện, chị Lò Thị D có nơi cư trú tại bản T, xã Q, huyện T, tỉnh Điện Biên nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tuần Giáo theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; quá trình giải quyết vụ án

đương sự đã nhận được đầy đủ các thông báo thụ lý, Tòa án cũng đã thực hiện việc niêm yết và xác minh theo quy định của pháp luật. Tại phiên tòa vắng mặt bị đơn chị Lò Thị D, xét thấy sự vắng mặt không gây cản trở cho việc xét xử mà vẫn đảm bảo được đầy đủ quyền lợi cho chị D. Do đó HĐXX quyết định tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung:

[1.2] Về Hôn nhân: Anh Quảng Văn K và chị Lò Thị D kết hôn với nhau ngày 28/3/2011, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Q, huyện T, tỉnh Điện Biên. Anh chị kết hôn tự nguyện, không ai cản trở ép buộc. Vậy có thể xác định cuộc hôn nhân của anh Quảng Văn K và chị Lò Thị D là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại Điều 8, 9 Luật Hôn nhân & gia đình năm 2014. Kể từ khi kết hôn anh chị sống hạnh phúc được mấy năm đầu, sau đó nảy sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính cách không hợp, bất đồng quan điểm sống, không còn quan tâm, chăm sóc nhau. Hai anh chị đã sống ly thân với nhau từ năm 2013. Khi sống ly thân giữa hai anh chị cũng không có sự quan tâm chia sẻ hay liên lạc với nhau. Trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án; đã thông báo hợp lệ cho chị Lò Thị D để tham gia hòa giải và phiên tòa để có thể tiến hành hòa giải cho hai anh chị quay về đoàn tụ nhưng chị Lò Thị D không có mặt, qua đó thấy chị D không có thiện chí hòa giải quay về đoàn tụ. Cũng để đảm bảo tính khách quan, toàn diện Tòa án đã tiến hành xác minh tình trạng hôn nhân của anh Quảng Văn K và chị Lò Thị D thì được biết: Từ khi chị D về nhà bố mẹ đẻ đến nay không quay lại chung sống với anh K nữa. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử cũng động viên anh K quay về đoàn tụ với chị D nhưng anh K cho rằng trong quá trình chung sống do không hòa hợp nên mới sống ly thân với nhau, thời gian sống ly thân đã lâu nên tình cảm không còn nên không thể quy về đoàn tụ. Bởi vậy, Hội đồng xét xử thấy rằng; cuộc sống hôn nhân giữa hai anh chị không có hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài. Vì vậy căn cứ vào Điều 56 Luật Hôn nhân & gia đình năm 2014 để chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh Quảng Văn K, cho anh Quảng Văn K ly hôn với chị Lò Thị D.

[2.2] Về con chung: Xét yêu cầu giao nuôi con chung của anh Quảng Văn K thì thấy: Từ khi chị D bỏ về nhà bố mẹ đẻ sinh sống thì anh K đã tự mình chăm sóc, nuôi dưỡng cháu T cho đến nay và tại phiên tòa anh K cũng khẳng định anh K đủ điều kiện để nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu T cho đến tuổi trưởng thành và phù hợp với nguyện vọng của cháu T muốn được ở cùng với anh K. Anh K cũng không yêu cầu chị D phải cấp dưỡng nuôi con chung. Vì vậy Hội đồng xét xử xét thấy, để đảm bảo điều kiện cho cháu T phát triển lành mạnh về cả thể chất, trí tuệ, đạo đức. Bởi vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật hôn nhân gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu nhận nuôi con chung, cấp dưỡng nuôi con chung của anh Quảng Văn K.

[3.2] Về tài sản chung: Không có tài sản chung, không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

[4.2] Về nợ chung: Không có nợ chung, không đề nghị giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5.2] Về án phí: Căn cứ khoản 1, khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Hội đồng xét xử, xét thấy anh Quảng Văn K đủ điều kiện được xét miễn án phí ly hôn.

[3] Tại phiên tòa, Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuần Giáo đưa ra đề nghị hoàn toàn phù hợp với quy định của pháp luật và nội dung vụ án, vì vậy cần chấp nhận. *Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

#### **Áp dụng:**

- Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân & gia đình năm 2014.  
- Khoản 1, khoản 4 Điều 147; khoản 1, điểm a khoản 2 Điều 227; Điều 228; khoản 1, khoản 3 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Chấp nhận đơn khởi kiện ly hôn, tranh chấp nuôi con của anh Quảng Văn K.

2. Về quan hệ hôn nhân: Anh Quảng Văn K được ly hôn với chị Lò Thị D.

3. Về con chung: Giao cho anh Quảng Văn K trực tiếp nuôi dưỡng, trông nom, chăm sóc, giáo dục cháu Quảng Hồng T; sinh ngày 19/3/2011 cho đến khi cháu T đủ 18 tuổi; chị Lò Thị D không cấp dưỡng nuôi con chung.

Chị Lò Thị Dung có quyền thăm nom con, không ai được cản trở chị Lò Thị Dung thực hiện quyền này.

4. Về án phí: Anh Quảng Văn K được miễn án phí ly hôn.

5. Về quyền kháng cáo: Anh Quảng Văn K có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (Ngày 29/11/2018); chị Lò Thị D có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

#### **Nơi nhận**

- Phòng KTNV và THA;
- VKSND huyện T.Giáo;
- Chi cục THADS huyện T.Giáo;
- Đường sự;
- UBND xã Q;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Lương Thị Nga**

## **HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**

**CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN**

**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA**

**Lường Thị Nhung Nguyễn Thị Huyền**

**Lương Thị Nga**





***Nơi nhận***

- Phòng KTNV và THA;
- VKSND huyện T.Giáo;
- Chi cục THADS huyện T.Giáo;
- Đường sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Lương Thị Nga**